

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh phê duyệt 13 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét Văn bản số 129/CV-LD-HNV ngày 09/12/2024 và Văn bản số 29/LD TB-HNV ngày 18/3/2025 của Liên danh Thanh Bình và Hồng Ngọc Việt (Đại diện liên danh: Công ty Cổ phần Thanh Bình Hà Nội);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 55/TTr-SNNMT ngày 20/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thanh Bình Hà Nội (đại diện Liên danh Thanh Bình và Hồng Ngọc Việt), địa chỉ Tầng 3, tòa nhà N07-B3, đường Thái Thịnh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án khu dân cư Trường Thọ tại phường Nam Tiến, phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Dự án khu dân cư Trường Thọ

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Nam Tiến và phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thanh Bình Hà Nội số 0101776328 đăng ký lần đầu ngày 12/8/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 10/7/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu dân cư Trường Thọ.

1.4. Mã số thuế: 0101776328

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô diện tích sử dụng: 78.515,6m², trong đó gồm: 30.072,2m² đất nhà ở liền kề; 8.839m² đất nhà ở xã hội; 1.345,9m² đất giáo dục; 465,7m² đất nhà văn hóa; 533,6m² đất bãi đỗ xe; 4.212,3m² đất cây xanh công cộng; 1.978,50m² đất cây xanh sử dụng hạn chế (hành lang đường); 2.271,4m² đất hạ tầng kỹ thuật; 28.699m² đất giao thông; 98m² đất ở nhỏ lẻ chưa đủ điều kiện chia lô đấu giá.

- Quy mô dân số: Khoảng 1.800 người.

- Quy mô kiến trúc xây dựng:

+ Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng theo đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt gồm các hạng mục như: Hạng mục san nền, kê đá; hệ thống đường giao thông, bãi đỗ xe; hệ thống hào kỹ thuật; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện.

+ Hạng mục các công trình kiến trúc: Xây dựng thô, hoàn thiện mặt ngoài 41 căn nhà liền kề (cao 4 và 1 tum) tại 08 lô đất có mặt tiền tiếp giáp các tuyến đường chính; xây dựng 01 tháp biểu tượng cao 21,3m.

+ Hoàn trả 01 mương thủy lợi hiện trạng B600, dài 160m bằng cống D800, dài 172m và cống D1250 dài 25m; bố trí 03 tuyến cống B500 với tổng chiều dài 304m và 05 cửa thu nước cho các khu dân cư hiện trạng; bố trí 01 tuyến cống D800, dài 100m để hoàn trả mương đất thoát nước hiện trạng tại phía Nam dự án.

Sau khi hoàn thành, Chủ dự án bàn giao các hạng mục hạ tầng thuộc danh mục bàn giao cho cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng theo quy định; bàn giao phần diện tích đất nhà ở xã hội, đất giáo dục, đất nhà văn hóa cho địa phương quản lý, đầu tư theo quy hoạch được phê duyệt.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thanh Bình Hà Nội (đại diện Liên danh Thanh Bình và Hồng Ngọc Việt) được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thanh Bình Hà Nội (đại diện Liên danh Thanh Bình và Hồng Ngọc Việt) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, quy định về bảo vệ môi trường, nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường được ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND thành phố Phổ Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
 - LĐVP UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Sở Xây dựng;
 - UBND thành phố Phổ Yên;
 - Cty CP Thanh Bình Hà Nội;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
 - Lưu: VT, CNNXD.
- Manhpn/3/2025_MC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Loan

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *841* /GPMT-UBND
ngày *16*/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh: 01 nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu đất ở đô thị, khu đất nhà ở xã hội, khu đất giáo dục và khu đất nhà văn hóa với tổng lưu lượng nước thải phát sinh khoảng $297\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N, P), Coliform, dầu mỡ động thực vật,...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận:

Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải (Trạm XLNT) công suất $360\text{m}^3/\text{ngày}$ tự chảy vào đường ống bê tông D400, dài 212m sau đó chảy vào mương đất hiện trạng tại phía Đông dự án tại Tổ dân phố Trường Thọ, phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên sau đó tiếp tục chảy vào suối Văn Dương và nhập vào sông Cầu.

2.2. Vị trí xả thải:

- Tổ dân phố Trường Thọ, phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): $X = 2367442,779$; $Y = 435987,903$.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $360\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ($15\text{m}^3/\text{giờ}$).

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý tại Trạm XLNT công suất $360\text{m}^3/\text{ngày}$ tự chảy vào đường ống bê tông D400, dài 212m chảy vào mương đất hiện trạng tại phía Đông dự án sau đó tiếp tục chảy vào suối Văn Dương và nhập vào sông Cầu.

- Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, K=1) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)(tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột A, Bảng 1 với $F \leq 2.000\text{m}^3/\text{ngày}$).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải:

- Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh về Trạm XLNT bằng hệ thống cống bê tông cốt thép D300 và D400 với tổng chiều dài 2.045,5m, bố trí 135 hố ga thu thăm kết hợp.

- Đường ống dẫn nước thải từ Hệ thống XLNT ra nguồn tiếp nhận bằng hệ thống cống bê tông cốt thép D400 với tổng chiều dài 212m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Trạm XLNT công suất $360\text{m}^3/\text{ngày}$, xử lý bằng công nghệ sinh học. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt thoát ra hệ thống thoát nước hiện trạng phía Đông dự án. Trạm XLNT được xây dựng kín, có Hệ thống thu gom xử lý mùi.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại → Hệ thống cống thu gom D300 → Bể thu gom (có bố trí song chắn rác) → Bể điều hòa → 2 line xử lý

sinh học [bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng] → Bể trung gian → Tháp lọc → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K = 1,0) → Cống BTCT D400, dài khoảng 212m → Xả ra mương hiện trạng phía Đông dự án tại 01 cửa xả. Bố trí 01 bể chứa bùn có dung tích 32,5m³, bùn thải định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; bố trí 01 bể ngầm chứa nước sự cố thể tích 180m³, có bơm và đường ống bơm nước từ bể sự cố về bể thu gom để xử lý sau khi Trạm XLNT hoàn thành khắc phục sự cố; bố trí 01 máy phát điện dự phòng.

+ Máy móc thiết bị Trạm XLNT 360m³/ngày đêm được bố trí hoạt động luân phiên, đảm bảo vận hành thường xuyên liên tục Trạm XLNT gồm: Bể thu gom gồm 02 bơm nước thải 2,2kW; bể điều hòa gồm: 02 máy bơm nước thải 0,75kW, 01 phao báo mức, 01 đồng hồ đo lưu lượng nước thải và 24 đĩa phân phối khí thô; mỗi bể thiếu khí gồm 02 máy khuấy trộn 0,75kW; mỗi bể hiếu khí gồm: 02 bơm nước thải 0,75 kW, 26 đĩa phân phối khí tinh và 0,8m³ giá thể vi sinh; mỗi bể lắng bố trí 01 bơm bùn 0,4kW; bể sự cố gồm 02 bơm nước thải công suất 2,2kW. Các máy móc thiết bị phụ trợ chung gồm: 02 máy thổi khí bể điều hòa 3,7kW (1,81m³/phút); 02 máy thổi khí bể hiếu khí 7,5kW (4m³/phút); 03 bơm định lượng hóa chất 0,25kW; 03 bồn pha chế hóa chất 500 lít; 03 động cơ khuấy bồn hóa chất 0,4kW.

+ Hóa chất sử dụng/ngày gồm: 0,18kg NaHCO₃ 99%; 2kg dung dịch dinh dưỡng; 2,88kg Javel 10%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và mục 3 Phụ lục XXVIII Phụ lục kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Nguy cơ sự cố:

Sự cố Trạm XLNT chủ yếu là sự cố thiết bị, sự cố rò rỉ, tắc đường ống thu gom nước thải, sự cố quá tải, non tải, sự cố chất lượng nước không đạt,...

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa:

- Đối với sự cố hỏng thiết bị Trạm XLNT: Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị để kịp thời phòng ngừa, phát hiện, sửa chữa sự cố hỏng hóc; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải kịp thời phát hiện các nguy cơ sự cố rò rỉ, tắc đường ống để khắc phục, xử lý.

- Đối với sự cố quá tải: Trạm XLNT được thiết kế với hệ số an toàn là 1,2 để phòng ngừa việc quá tải. Bố trí đường ống dẫn nước thải từ bể gom về bể chứa nước sự cố.

- Đối với sự cố non tải: Thiết kế bể thiếu khí, hiếu khí và bể lắng gồm 02 đơn nguyên để đảm bảo hoạt động hiệu quả khi lưu lượng nước thải phát sinh dưới 50% công suất thiết kế của Trạm XLNT.

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng thiết bị Trạm XLNT: Vận hành luân phiên máy móc, thiết bị của Trạm XLNT; kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị bị sự cố, hư hỏng đảm bảo luôn có thiết bị dự phòng, hoạt động luân phiên.

- Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Thực hiện thông tắc các đoạn đường ống bị tắc đảm bảo nước thải được dẫn về Trạm XLNT; thay thế ngay các đoạn đường ống bị rò rỉ để đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh về Trạm XLNT.

- Đối với sự cố quá tải: Bố trí đường ống dẫn nước thải từ bể gom về bể chứa nước thải sự cố để lưu chứa tạm thời. Khi Trạm XLNT hoạt động ổn định sẽ bơm nước thải về bể gom để tiến hành xử lý.

- Đối với sự cố non tải: Vận hành 01 nguyên đơn xử lý nước thải khi lưu lượng nước thải phát sinh dưới 50% công suất thiết kế của Trạm XLNT.

- Đối với sự cố chất lượng nước không đạt: Dừng bơm nước thải sau xử lý ra hệ thống thoát nước; thực hiện bơm tuần hoàn nước thải về bể xử lý đồng thời bổ sung vi sinh và dinh dưỡng để tăng hiệu quả xử lý, đảm bảo nước thải được xử lý đáp ứng quy chuẩn môi trường trước khi xả thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời hạn 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm XLNT công suất 360m³/ngày.

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra tại Trạm XLNT công suất 360m³/ngày.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải thực hiện quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm Trạm XLNT theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định Trạm XLNT (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh bảo đảm nước thải được xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K = 1) trước khi thải vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực. Tuyệt đối không được đầu nối, xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa; tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức Trạm XLNT; ghi chép, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu theo quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để vận hành thường xuyên, liên tục đảm bảo hiệu quả xử lý của Trạm XLNT.

3.5. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm Trạm XLNT. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại mục 7, mục 8 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Quan trắc nước thải để tự theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của Trạm XLNT, kiểm soát được các thông số ô nhiễm môi trường trong nước thải. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

3.7. Xây dựng quy trình vận hành Trạm XLNT và bàn giao Trạm XLNT công suất 360m³/ngày kèm theo quy trình vận hành cho UBND thành phố Phổ Yên để UBND thành phố Phổ Yên giao đơn vị chức năng quản lý, duy trì vận hành Trạm XLNT.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **841** /GPMT-UBND
ngày **16** /3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Phát sinh 01 nguồn hơi, khí thải: Hơi khí từ Trạm XLNT 360m³/ngày (bể gom, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí và bể chứa bùn), có thành phần chủ yếu là NH₃, H₂S, CH₃SH.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰30, múi chiều 3⁰): Gồm 02 dòng thải, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải: Tại ống thoát khí của Hệ thống xử lý mùi từ Trạm XLNT, tọa độ vị trí xả thải: X = 2367474,328; Y = 435821,778.

- Vị trí xả khí thải nằm trong khu vực Dự án khu dân cư Trường Thọ tại phường Nam Tiến và phường Tân Hương, thành phố Phủ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Dòng khí thải từ ống thoát khí của Hệ thống xử lý mùi từ Trạm XLNT với lưu lượng 800m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Dòng khí thải từ ống thoát khí của Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24 giờ/ngày.

- Chất lượng khí thải: Khí thải trước khi xả vào môi trường được xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Mạng lưới thu gom, thoát hơi khí, mùi hôi từ Trạm XLNT: Hơi khí, mùi hôi, từ các bể của Trạm XLNT được thu gom vào đường ống nhựa uPVC D160, dài 3m dẫn dòng hơi khí, mùi hôi về Hệ thống xử lý mùi và ống thoát hơi khí từ Hệ thống xử lý mùi bằng ống D250, cao 4,85m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: 01 Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT, công suất thiết kế 800m³/giờ.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi khí, mùi hôi từ Trạm XLNT → Đường ống thu hơi khí, mùi hôi bằng ống uPVC D160 → Quạt hút lưu lượng 800m³/giờ → Tháp hấp thụ sử dụng dung dịch NaOH (tháp có kích thước 1500 x 3000mm) → Ống thoát khí D250, cao 4,85m tính từ mặt đất (dòng thải số 01).

+ Máy móc thiết bị của Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT gồm: 02 quạt hút công suất 0,37kW, lưu lượng khí 600 - 800m³/giờ; 02 bơm hóa chất công suất 0,1 kW; 01 bồn chứa dung dịch hấp thụ (1200x500x600)mm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: 0,036kg NaOH 99%/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nguy cơ sự cố: Sự cố Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT: Chủ yếu là quạt hút không hoạt động, dung dịch hấp thụ bị bão hòa không đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Biện pháp phòng ngừa: Tuân thủ quy trình vận hành máy móc, thiết bị của Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT; tập huấn cho nhân viên vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị của Hệ thống xử lý mùi; bố trí 02 quạt hút hoạt động luân phiên.

- Biện pháp ứng phó sự cố: Khi xảy ra sự cố đối với quạt hút của Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT sẽ vận hành luân phiên quạt hút còn lại không bị sự cố; sửa chữa quạt hút bị sự cố đảm bảo luôn có 01 quạt hút dự phòng để vận hành liên tục Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý hơi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để vận hành thường xuyên, liên tục đảm bảo hiệu quả xử lý của Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **821** /GPMT-UBND
ngày **16** /3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Phát sinh 03 nguồn ồn, rung, trong đó gồm:

- Nguồn số 01: Từ 02 máy thổi khí của Trạm XLNT.
- Nguồn số 02: Từ quạt hút của Hệ thống xử lý mùi của Trạm XLNT.
- Nguồn số 03: Từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 01: X = 2367471,274; Y = 435842,234.
- Tọa độ nguồn số 02: X = 2367474,958; Y = 435835,694.
- Tọa độ nguồn số 03: X = 2367476,822; Y = 435842,008.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **821** /GPMT-UBND
ngày **16** /3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	2
2	Dầu động cơ thải	17 02 03	300
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	20
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có linh kiện điện tử thải	16 01 13	18
5	Bao bì đựng hóa chất thải bỏ	18 01 03	210
	Tổng khối lượng		560

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư 1.800kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm thức ăn thừa, rau củ quả thải bỏ hàng ngày, giấy vụn, túi nilon, bao bì nhựa, vỏ chai hộp thải.

- Chất thải rắn sinh hoạt công cộng phát sinh từ các hộ gia đình trong khu dân cư, không thể thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt thông thường.

- Bùn thải từ Trạm XLNT phát sinh khoảng 15kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng chứa đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải nguy hại, kí hiệu và tên từng loại chất thải nguy hại,...).

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 7m² tại lô đất hạ tầng kỹ thuật xây dựng Trạm XLNT chứa các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu dân, có gắn dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Kho được thiết kế, cấu tạo có tường gạch, sàn bê tông, dán nhãn cảnh báo và trang bị các thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Biện pháp xử lý: Các hộ gia đình tự thu gom, lưu chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt nguy hại và tự vận chuyển đến điểm tập kết của dự án hoặc chuyển giao cho đơn vị được UBND thành phố Phổ Yên giao tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để thu gom, vận chuyển bằng các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại riêng, đáp ứng yêu cầu theo quy định về lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích $7m^2$ tại lô đất hạ tầng kỹ thuật và thực hiện chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực, đáp ứng điều kiện theo quy định để xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy lắp đặt tại dọc các tuyến đường nội bộ của khu dân cư; bàn giao thiết bị cùng với bàn giao hạ tầng khu dân cư cho địa phương quản lý.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 01 nhà tập kết chất thải rắn sinh hoạt diện tích $20m^2$ tại lô đất hạ tầng kỹ thuật để tập kết chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khu dân cư.

- Biện pháp xử lý:

+ Đơn vị được UBND thành phố Phổ Yên giao tổ chức, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chịu trách nhiệm tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt thông thường trên tuyến đường nội bộ của khu dân cư; vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công kênh của các hộ dân có nhu cầu theo đúng quy định về điểm tập kết có diện tích $20m^2$ tại lô đất hạ tầng kỹ thuật của dự án để phân rã và quản lý theo quy định.

+ Hộ gia đình, cá nhân tự thu gom, phân loại, chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt; đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sẽ tổ chức thu gom, vận chuyển đi xử lý.

+ Các hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt công kênh tự lưu giữ, tự vận chuyển đến điểm tập kết của dự án hoặc tự thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải để thu gom đối với loại chất thải này; không được vứt bừa bãi tại các nơi công cộng, ao, hồ, sông, suối, kênh, mương... gây ô nhiễm môi trường.

+ Đơn vị được UBND thành phố Phổ Yên giao quản lý, vận hành Trạm XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển bùn thải phát sinh từ Trạm XLNT để xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Đối với sự cố Trạm XLNT: Thực hiện theo Mục 1.4 Phần B Phụ lục 1.

4. Đối với sự cố Tháp xử lý mùi của Trạm XLNT: Thực hiện theo Mục 1.4 Phần B Phụ lục 2.

5. Đối với sự cố cháy nổ: Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **821** /GPMT-UBND
ngày **16** /3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện công khai giấy phép môi trường quy định của pháp luật.

2. Đảm bảo sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch liên quan đến Trạm XLNT của dự án khu dân cư Trường Thọ trình UBND thành phố Phổ Yên theo nội dung văn bản số 386/UBND-VP ngày 19/01/2025 của UBND thành phố Phổ Yên.

3. Hoàn trả nương thủy lợi hiện trạng B600, dài 160m bằng cống D800, dài 172m và cống D1250 dài 25m đảm bảo việc cung cấp nước tưới cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thuộc vùng được cung cấp nước tưới bởi nương B600 hiện trạng trước khi phá dỡ nương thủy lợi hiện trạng để thực hiện dự án.

4. Bố trí các tuyến cống và bố trí cửa thu nước mưa cho các khu dân cư hiện trạng đảm bảo đáp ứng yêu cầu thoát nước tại khu vực; theo dõi, kiểm tra, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan, kịp thời phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các giải pháp khắc phục; hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các vấn đề ô nhiễm môi trường do việc bố trí 05 cửa thu nước mưa cho các khu dân cư hiện trạng vào hệ thống thoát nước mưa của dự án (nếu có).

5. Lập kế hoạch thi công, vận chuyển phù hợp; thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới khu vực thi công và công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án trước khi tiến hành hoạt động thi công; thực hiện các biện pháp che chắn hạn chế phát tán bụi, rơi vãi vật liệu ra các tuyến đường giao thông khu vực do thi công nhằm hạn chế, giảm thiểu tác động ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung, bụi và vật liệu rơi vãi đến đời sống của nhân dân xung quanh khu vực.

6. Tập kết đất không thích hợp phải đào bỏ vào đúng các vị trí đã được UBND thành phố Phổ Yên chấp thuận; tuân thủ đúng quy định của Luật Đất đai, đảm bảo việc tập kết không được làm suy giảm chất lượng đất, không gây ô nhiễm đất, không phát sinh các vấn đề ô nhiễm môi trường và các vấn đề liên quan khác tại khu vực tập kết.

7. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó lưu ý chuyển giao các loại chất thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án phải đảm bảo các loại chất thải được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng và đủ năng lực xử lý theo quy định, nhất là khối lượng chất thải xây dựng, nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường và chất thải nguy hại.

8. Thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất, nguyên vật liệu thi công, chất thải xây dựng đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát; phối hợp với chính quyền địa phương và đơn vị quản lý các tuyến đường duy tu, sửa chữa các đoạn đường bị xuống cấp do hoạt động thi công của dự án.

9. Phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh, trật tự xã hội khu vực trong quá trình thi công xây dựng dự án; thường xuyên trao đổi, tiếp thu ý kiến phản ánh của nhân dân khu vực chịu tác động ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện.

10. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp; trước khi hết thời hạn giấy phép 06 tháng, phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định tại mục 6 khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

13. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.